VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2024 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Tiếp theo Công báo số 199 + 200)

Phụ lục XIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục	Phương án đầu tư
A	**Cao đẳng, Trung cấp**	
1	Khu giáo dục đào tạo gắn với đô thị đại học phía Nam Quảng Nam	Xây dựng mới
2	Khu giáo dục đào tạo gắn với đô thị đại học phía Bắc Quảng Nam	Xây dựng mới
3	Trường Cao đẳng Quảng Nam	Nâng cấp, cải tạo
4	Trường Cao đẳng Thaco	Nâng cấp, cải tạo
5	Trường Cao đẳng Y tế	Nâng cấp, cải tạo
6	Trường Cao đẳng Phương Đông	Nâng cấp, cải tạo
7	Trường Cao đẳng Điện Lực	Nâng cấp, cải tạo
8	Trường Cao đẳng Công nghệ Kinh tế - Thủy lợi Miền Trung	Nâng cấp, cải tạo
9	Trường Cao đẳng Miền Trung (tên cũ Trường Cao đẳng Tâm Trí)	Nâng cấp, cải tạo

STT	Danh mục	Phương án đầu tư
10	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật và Đào tạo cán bộ HTX Miền Trung - Tây Nguyên	Nâng cấp, cải tạo
11	Trường Trung cấp Asean	Nâng cấp, cải tạo
12	Trường Trung cấp Quảng Đông	Nâng cấp, cải tạo
13	Trường Trung cấp Bách Khoa	Nâng cấp, cải tạo
B	**Giáo dục nghề nghiệp**	
1	Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực khu vực đường Lê Thánh Tông	Xây dựng mới
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Hỗ trợ nông dân	Nâng cấp, cải tạo
3	Trung tâm Dạy nghề Thanh niên Quảng Nam	Nâng cấp, cải tạo
4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Giao thông vận tải - Chi nhánh Công ty CP Giao thông vận tải Quảng Nam	Nâng cấp, cải tạo
5	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Minh Sơn	Nâng cấp, cải tạo
6	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Hoàng Long	Nâng cấp, cải tạo
7	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Du lịch Âu Việt Á	Nâng cấp, cải tạo
8	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Vận tải Quảng Nam	Nâng cấp, cải tạo
9	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Lái xe Phú Ninh	Nâng cấp, cải tạo
10	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp tại huyện Quế Sơn (đào tạo lái xe ô tô)	Xây dựng mới
11	Đầu tư một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại các huyện, thị xã, thành phố chưa có cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng mới
C	**Giáo dục phổ thông**	
1	Trường THPT Điện Thắng Tây 607 - Điện Bàn	Xây dựng mới
2	Trường THPT đô thị Nam Phương - Điện Bàn	Xây dựng mới
3	Trường THPT Duy Hải - Duy Nghĩa (Duy Xuyên)	Xây dựng mới
4	Trường THPT tại phía Nam quốc lộ 1E (Thăng Bình)	Xây dựng mới
5	Trường phổ thông công lập các cấp chưa đạt chuẩn	Nâng cấp, cải tạo

Phụ lục XIV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH Y TẾ TỈNH QUẢNG NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Phương án đầu tư
I	**Tuyến tỉnh**		
1	Văn phòng Sở Y tế	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
2	Chi cục dân số - kế hoạch hóa gia đình	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
3	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
4	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
5	Trung tâm cấp cứu 115	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
6	Trung tâm giáo dục y khoa	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
7	Trung tâm Pháp y	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
8	Trung tâm Kiểm nghiệm	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
9	Bệnh viện đa khoa tỉnh	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
10	Bệnh viện đa khoa khu vực	TX. Điện Bàn	Nâng cấp, cải tạo
11	Bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc	Huyện Đại Lộc	Nâng cấp, cải tạo
12	Bệnh viện Phụ sản - Nhi	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
13	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
14	Bệnh viện Tâm thần	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
15	Bệnh viện y học cổ truyền	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
16	Bệnh viện Mắt	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
17	Bệnh viện Da liễu	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
18	Bệnh viện tại phường Thanh Hà	TP. Hội An	Xây dựng mới

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Phương án đầu tư
19	Bệnh viện đa khoa tư nhân Vĩnh Đức	TX. Điện Bàn	Xây dựng mới
20	Bệnh viện đa khoa Bắc Quảng Nam	TX. Điện Bàn	Xây dựng mới
21	Bệnh viện đa khoa ven sông Trường Giang	Huyện Thăng Bình	Xây dựng mới
22	Bệnh viện kỹ thuật cao đạt tiêu chuẩn quốc tế	Huyện Thăng Bình	Xây dựng mới
23	Các bệnh viện đa khoa tư nhân	Các huyện, thị xã, thành phố	Xây mới và nâng cấp, cải tạo
24	Các bệnh viện kỹ thuật cao kết hợp loại hình nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe	Các huyện, thị xã, thành phố	Xây dựng mới
II	**Tuyến huyện**		
1	Các Trung tâm y tế, bệnh viện tuyến huyện	Các huyện, thị xã, thành phố	Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất phù hợp với quy mô theo các quy hoạch xây dựng
2	Phòng khám đa khoa phù hợp với quy mô theo các quy hoạch xây dựng	Các huyện, thị xã, thành phố	Xây dựng mới

Phụ lục XV

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Phương án đầu tư
1	Trung tâm Điều dưỡng người tâm thần	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
2	Cơ sở Cai nghiện ma túy	Huyện Hiệp Đức	Nâng cấp, cải tạo
3	Trung tâm Công tác xã hội	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
4	Làng Hòa Bình	Huyện Phú Ninh	Nâng cấp, cải tạo
5	Trung tâm Bảo trợ xã hội	TP. Hội An	Nâng cấp, cải tạo
6	Trung tâm Dịch vụ việc làm	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
7	Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công	TP. Hội An	Nâng cấp, cải tạo
8	Trung tâm cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi chất lượng cao	TP. Tam Kỳ	Đầu tư mới

Phụ lục XVI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến	Phương án đầu tư
1	Trung tâm khuyến nông Quảng Nam	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
2	Trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
3	Trung tâm nghiên cứu dược và sâm ngọc linh	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
4	Trung tâm kỹ thuật quan trắc môi trường	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
5	Trung tâm công nghệ thông tin và viễn thông	TP. Tam Kỳ	Nâng cấp, cải tạo
6	Trung tâm khoa học, công nghệ	TP. Hội An	Nâng cấp, cải tạo
7	Trung tâm công nghệ sinh học	TP. Tam Kỳ	Đầu tư mới

Phụ lục XVII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TỈNH QUẢNG NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
A	**Trung tâm logistics, thương mại, siêu thị**	
I	**Đầu tư Trung tâm logistics**	
1	Trung tâm logistics, vận tải đa phương thức gắn với Cảng biển Quảng Nam, Cảng hàng không quốc tế Chu Lai	Huyện Núi Thành
2	Trung tâm logistics tại khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Nam Giang	Huyện Nam Giang
II	**Trung tâm thương mại, siêu thị**	
1	**Nâng cấp, mở rộng**	
1.1	Trung tâm thương mại Tam Kỳ	TP. Tam Kỳ
1.2	Siêu thị Coop Mart	
2	**Xây dựng, phát triển mới**	
2.1	Trung tâm thương mại khu đô thị Nam Tam Phú - Tecco	
2.2	Khu thương mại - dịch vụ tổng hợp	
2.3	Khu thương mại dịch vụ chất lượng cao	
2.4	Trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế	
2.5	Các Khu thương mại - dịch vụ tổng hợp	TP. Hội An
2.6	Phát triển kinh tế đêm - Hoạt động vui chơi giải trí kết hợp dịch vụ ăn uống	
2.7	Trung tâm hội chợ triển lãm	
2.8	Trung tâm OCOP thành phố	

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
2.9	Các Siêu thị: Cẩm An; Cẩm Hà	
2.10	Các tuyến phố thương mại	
2.11	Các Khu thương mại - dịch vụ: Vĩnh Điện; Cầu Hưng - Lai Nghi; Bắc Điện Bàn; Đông Khương - Điện Phương	TX. Điện Bàn
2.12	Các siêu thị: Vĩnh Điện; Điện Thọ; Trà Kiểm	
2.13	Các siêu thị tổng hợp: Tiên Kỳ; Tiên Thọ	Huyện Tiên Phước
2.14	Trung tâm mua sắm Nam cầu Sông Tiên	
2.15	Khu Thương mại - OCOP huyện	
2.16	Trung tâm thương mại ngã tư Ái Nghĩa	Huyện Đại Lộc
2.17	Các siêu thị: Ái Nghĩa; Đại Tân	
2.18	Các Trung tâm mua sắm Lâm Tây; Phú Quý	
2.19	Khu thương mại - dịch vụ tổng hợp	Huyện Bắc Trà My
2.20	Các Khu thương mại - dịch vụ tổng hợp	Huyện Đông Giang
2.21	Các Khu thương mại - dịch vụ tổng hợp	Huyện Tây Giang
2.22	Trung tâm mua sắm Thạnh Mỹ	Huyện Nam Giang
2.23	Các Khu thương mại - dịch vụ tổng hợp	
2.24	Các siêu thị: Hà Lam; Bình Minh	Huyện Thăng Bình
2.25	Các Khu thương mại - dịch vụ tổng hợp	
2.26	Trung tâm thương mại Khu đô thị Nam Hội An	Huyện Duy Xuyên
2.27	Các siêu thị: Nam Phước; Kiểm Lâm	
2.28	Các trung tâm mua sắm: Đông Phú; Hương An	Huyện Quế Sơn
2.29	Trung tâm hội chợ - triển lãm	Huyện Núi Thành
2.30	Các Khu thương mại - dịch vụ tổng hợp	
2.31	Trung tâm thương mại Núi Thành	
2.32	Siêu thị Núi thành	
2.33	Trung tâm mua sắm Phú Thịnh	Huyện Phú Ninh

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
2.34	Các Khu thương mại - dịch vụ tổng hợp	Huyện Phú Ninh
2.35	Các khu thương mại tổng hợp: Tân Bình; Việt An	Huyện Hiệp Đức
2.36	Các Khu thương mại - dịch vụ tổng hợp	Huyện Phước Sơn
2.37	Các Khu thương mại - dịch vụ tổng hợp	Huyện Nông Sơn
2.38	Các siêu thị, trung tâm thương mại khác	Các huyện, thị xã, thành phố
B	**Các chợ**	
I	**Xây dựng mới**	
1	Chợ nông đầu mối súc sản miền Trung - Tây Nguyên	Huyện Thăng Bình
2	Chợ đầu mối hải sản	Các huyện: Thăng Bình, Núi Thành
3	Chợ đầu mối Tam Kỳ	TP. Tam Kỳ
4	Chợ đầu mối Gò Nổi	TX. Điện Bàn
5	Chợ đầu mối nông sản	Huyện Đại Lộc
6	Chợ đầu mối nông súc sản Hà Lam	Huyện Thăng Bình
7	Chợ đầu mối Nam Phước	Huyện Duy Xuyên
8	Chợ đầu mối Tiên Thọ	Huyện Tiên Phước
9	Chợ Tiên Phước	Huyện Tiên Phước
10	Chợ trung tâm huyện	Huyện Nam Trà My
11	Chợ du lịch tại Điện Phương	TX. Điện Bàn
12	Chợ biên giới Cửa khẩu phụ Tây Giang	Huyện Tây Giang
13	Chợ biên giới cửa khẩu Nam Giang	Huyện Nam Giang
14	Chợ trung tâm huyện Nông Sơn	Huyện Nông Sơn
II	**Nâng cấp, mở rộng**	
1	Chợ Trường Xuân	TP. Tam Kỳ
2	Chợ Tam Kỳ	

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
3	Chợ Hội An	TP. Hội An
4	Chợ Vĩnh Điện	TX. Điện Bàn
5	Chợ Khâm Đức	Huyện Phước Sơn
6	Chợ Trung Phước	Huyện Nông Sơn
8	Chợ Ái Nghĩa	Huyện Đại Lộc
9	Chợ trung tâm huyện Nam Trà My	Huyện Nam Trà My
10	Chợ huyện Bắc Trà My	Huyện Bắc Trà My
11	Chợ thị trấn PRao	Huyện Đông Giang
12	Chợ huyện Tây Giang	Huyện Tây Giang
13	Chợ Thạnh Mỹ	Huyện Nam Giang
14	Chợ Hà Lam	Huyện Thăng Bình
15	Chợ Hiệp Đức	Huyện Hiệp Đức
16	Chợ Việt An	
17	Chợ trung tâm Huyện	Huyện Duy Xuyên
18	Chợ Đông Phú	Huyện Quế Sơn
19	Chợ thị trấn Núi Thành	Huyện Núi Thành
20	Chợ Phú Thịnh	Huyện Phú Ninh
C	**Cửa hàng xăng dầu**	
	Nâng cấp, cải tạo các cửa hàng xăng dầu hiện trạng đảm bảo các tiêu về phòng cháy, chữa cháy. Xây mới khoảng 80 cửa hàng xăng dầu tại vị trí phù hợp, các yêu cầu theo tiêu chuẩn theo quy định; quy mô sẽ được cụ thể hóa trong các quy hoạch cấp dưới	

Phụ lục XVIII

CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH QUẢNG NAM

THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg (ha)	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 của tỉnh (ha)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
I	**Tổng diện tích tự nhiên**		**1.057.486,33**	**1.057.486,33**	**1.057.486,33**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**947.425,08**	**940.744,00**	**930.744,33**
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	56.772,79	53.000,00	53.000,00
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	44.354,49	43.454,00	43.454,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	80.458,49		92.230,33
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	315.540,82	315.812,00	299.364,00
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	139.828,23	145.687,00	144.465,00
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	294.812,36	273.934,00	274.046,00
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	59.690,63	63.035,00	63.035,00
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**96.607,56**	**112.576,00**	**122.576,00**
	Trong đó:				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	4.545,40	5.156,00	5.156,00
2.2	Đất an ninh	CAN	2.036,27	2.328,00	2.565,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.860,22	3.524,00	10.165,80

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg (ha)	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 của tỉnh (ha)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	790,11		3.180,94
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1.000,59		2.931,32
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1.459,37		1.644,88
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1.206,80		1.447,20
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	30.269,86	39.239,00*	37.189,14
	Trong đó:				
-	*Đất giao thông*	*DGT*	15.164,34	18.797,00*	*19.497,00*
-	*Đất thủy lợi*	*DTL*	5.902,68		*6.479,33*
-	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa*	*DVH*	115,46	215,00*	*215,00*
-	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*DYT*	129,99	200,00*	*200,00*
-	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo*	*DGD*	898,62	1.331,00*	*1.331,00*
-	*Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao*	*DTT*	453,43	743,00*	*743,00*
-	*Đất công trình năng lượng*	*DNL*	7.381,41	10.645,00*	*8.322,50*
-	*Đất công trình bưu chính viễn thông*	*DBV*	16,68	75,00*	*75,00*
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	0,00	9,00	9,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg (ha)	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 của tỉnh (ha)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
2.10	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	DDT	223,02	270,00	270,00
2.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	122,28	248,00	268,53
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	114,50		125,56
2.13	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	6.652,17		7.026,08
2.14	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL	161,18		200,54
2.15	Đất ở tại nông thôn	ONT	16.945,55		17.748,84
2.16	Đất ở tại đô thị	ODT	4.619,18		8.813,64
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	287,57		327,17
2.18	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	107,29		155,21
2.19	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DGN			
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**			
3.1	Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng			9.288,00	9.287,69
3.2	Đất chưa sử dụng còn lại		13.453,69	4.166,00	4.166,00
II	**Khu chức năng****				
1	Đất khu kinh tế	KKT	31.060,00	58.100,00	61.200,00
2	Đất đô thị	KDT	69.068,67	84.943,00	99.252,45

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020 (ha)	Chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg (ha)	Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 của tỉnh (ha)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
3	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN	124.812,98		131.684,33
4	Khu lâm nghiệp	KLN	750.181,41		717.875,00
5	Khu du lịch	KDL			3.117,32
6	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT	139.828,23		145.687,00
7	Khu phát triển công nghiệp	KPC	2.650,33		13.346,74
8	Khu phát triển đô thị	DTC			12.978,83
9	Khu thương mại dịch vụ	KTM			1.163,44
10	Khu dân cư nông thôn	DNT	44.756,19		45.251,52

Ghi chú:

(*) Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia.

(**) Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

- Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt phải đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã phân bổ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, chỉ tiêu đất quốc phòng, đất an ninh được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh được cấp có thẩm quyền phê duyệt./.

Phụ lục XIX

PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC TỈNH QUẢNG NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên vùng/tiểu vùng/khu vực	Ký hiệu
A	**Phương án phân vùng môi trường**	
I	**Vùng bảo vệ nghiêm ngặt**	**NN**
1	Khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản	NN.1
2	Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước	NN.2
3	Khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm: nội thành, nội thị của các đô thị loại I, loại II, loại III theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị	NN.3
4	Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa	NN.4
5	Vùng lõi của di sản thiên nhiên	NN.5
II	**Vùng hạn chế phát thải**	**HC**
1	Vùng đệm của khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên	HC.1
2	Vùng đất ngập nước quan trọng được xác định theo quy định của pháp luật	HC.2
3	Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước	HC.3
4	Khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị	HC.4
5	Hành lang đa dạng sinh học	HC.5

TT	Tên vùng/tiểu vùng/khu vực	Ký hiệu
III	**Vùng khác**	**K**
	Khu vực còn lại	K
B	**Phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học**	
I	**Khu bảo tồn thiên nhiên**	**BT**
1	Vườn Quốc gia	BT.1
2	Khu dự trữ thiên nhiên	BT.2
3	Khu bảo tồn loài - sinh cảnh	BT.3
4	Khu Bảo vệ cảnh quan	BT.4
II	**Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học**	**CS**
1	Cơ sở nuôi, trồng loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	CS.1
2	Cơ sở cứu hộ loài hoang dã	CS.2
III	**Hành lang đa dạng sinh học**	**HL**
IV	**Khu vực đa dạng sinh học cao**	**SHC**
V	**Vùng đất ngập nước quan trọng**	**ĐNN**

Phụ lục XX

PHƯƠNG ÁN THIẾT LẬP MẠNG LƯỚI QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục	Hiện trạng	Dự kiến bổ sung	Tổng
I	**Trạm quan trắc định kỳ**	**106**	**76**	**182**
1	Môi trường nước mặt (sông, hồ)	40	30	70
2	Môi trường nước dưới đất	20	20	40
3	Nước biển ven bờ	06	6	12
4	Môi trường không khí xung quanh	29	11	40
5	Môi trường đất	05	05	10
6	Trầm tích	06	04	10
II	**Trạm quan trắc tự động, liên tục**	**02**	**20**	**22**
1	Trạm quan trắc tự động, liên tục không khí ngoài trời	-	10	10
2	Trạm quan trắc tự động, liên tục nước mặt	02	06	08
3	Trạm quan trắc tự động, liên tục nước biển ven bờ	-	04	04
Tổng cộng		**108**	**96**	**204**

Phụ lục XXI

PHƯƠNG ÁN THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN PHÂN TÁN, NHỎ LẺ TỈNH QUẢNG NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục khoáng sản	Hiện trạng	Dự kiến bổ sung	Tổng
I	**Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường**	**76**	**564**	**640**
1	Đá xây dựng	35	97	132
2	Cát sỏi	27	159	186
3	Đất san lấp	9	211	220
4	Sét gạch ngói	5	97	102
II	**Khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ**	**11**	**18**	**29**
1	Than đá	1	0	1
2	Quặng sắt	0	1	1
3	Vàng gốc	10	13	23
4	Feldspat	0	4	4
III	**Khoáng sản ngoài khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, phân tán, nhỏ lẻ**	**0**	**36**	**36**
1	Quặng sắt	0	3	3
2	Vàng gốc	0	24	24
3	Caolin	0	7	7
4	Đá ốp lát	0	1	1
5	Serpentin	0	1	1
	Tộng cộng	**87**	**618**	**705**

Ghi chú:

Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam rà soát, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy hoạch, quy định khác có liên quan; bảo đảm không chồng lấn với khu vực khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền cấp phép; thực hiện điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) bảo đảm phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định hiện hành. Đối với các mỏ khoáng sản chưa được Thường trực Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân tỉnh khảo sát thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi thực hiện các bước tiếp theo./.

Phụ lục XXII

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN TỈNH QUẢNG NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
I	**Hạ tầng giao thông vận tải**	
1	**Đường bộ**	
1.1	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14D	Theo quy hoạch và lộ trình thực hiện quy hoạch đường bộ quốc gia
1.2	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14G	
1.3	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14B	
1.4	Mở rộng Quốc lộ 14H (đoạn phía Nam cầu Cẩm Kim và từ cầu Nông Sơn đến đường Trường Sơn Đông)	
1.5	Mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 40B (đoạn từ Bắc Trà My đến giáp Kon Tum)	
1.6	Mở rộng ĐT.603B (mở thêm 02 làn xe thô sơ)	Các thị xã, thành phố: Điện Bàn, Hội An
1.7	Hoàn thiện tuyến đường ĐT.605B (Mở rộng các đường dẫn cầu An Bình và Sông Thu)	Huyện Đại Lộc
1.8	Mở rộng ĐT.606 (đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến TT huyện Tây Giang)	Huyện Tây Giang
1.9	Tuyến ĐT.606C kết nối QL14D đến ĐT.606	Các huyện: Nam Giang, Tây Giang
1.10	Mở rộng, nâng cấp ĐT.607B	Các thị xã, thành phố: Điện Bàn, Hội An
1.11	Hoàn thiện tuyến ĐT.609 (đồng bộ tải trọng cầu và tiêu chuẩn các đoạn đường còn lại)	Các huyện: Điện Bàn, Đại Lộc, Đông Giang

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
1.12	Tuyến ĐT.610 (Từ đường 129 đến giáp QL14H tại Duy Phú)	Huyện Duy Xuyên
1.13	Xây dựng tuyến nối ĐT.611 - ĐT.613 và Mở rộng các đoạn chưa vào cấp (Đông Phú - Đèo Le)	Huyện Quế Sơn
1.14	Mở rộng, nâng cấp ĐT.611B	Các huyện: Quế Sơn, Hiệp Đức
1.15	Mở rộng, nâng cấp ĐT.612	Các huyện: Thăng Bình, Tiên Phước
1.16	Mở rộng, chỉnh tuyến ĐT.613B theo đường Hành lang biển	Các huyện, thành phố: Duy Xuyên, Thăng Bình, Núi Thành, Tam Kỳ
1.17	Xây dựng mới ĐT.613C (Bình Sa - Bình Trung - Bình Lâm)	Huyện Thăng Bình
1.18	Mở rộng, nâng cấp ĐT.614	Các huyện: Tiên Phước, Hiệp Đức
1.19	Mở rộng, nâng cấp ĐT.615	Các huyện: Phú Ninh, Tiên Phước, Hiệp Đức
1.20	Mở rộng, nâng cấp ĐT.615B	Các huyện: Tiên Phước, Hiệp Đức
1.21	Hoàn thiện tuyến ĐT.617	Các huyện: Núi Thành, Bắc Trà My
1.22	Kết nối và mở rộng ĐT.617B	Các huyện: Núi Thành, Phú Ninh, Tiên Phước
1.23	Mở rộng, nâng cấp ĐT.618	Huyện Núi Thành
1.24	Mở rộng, nâng cấp ĐT.620	Huyện Núi Thành
2	**Hàng không**	
	Cảng hàng không Chu Lai	Huyện Núi Thành

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
3	**Cảng biển**	
3.1	Luồng Cửa Lở	Huyện Núi Thành
3.2	Hạ tầng các Khu bến Cảng Quảng Nam	Huyện Núi Thành
4	**Đường thủy nội địa**	
4.1	Cụm cảng đường thủy nội địa Hội An, Núi Thành	Các huyện, thành phố: Hội An, Núi Thành
4.2	Các bến thủy nội địa	Theo các quy hoạch xây dựng
5	**Đường sắt**	
5.1	Đường sắt tốc độ cao theo hướng Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh	Theo quy hoạch và lộ trình thực hiện quy hoạch đường sắt quốc gia
5.2	Nâng cấp đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh qua địa bàn tỉnh	
5.3	Đường sắt Đà Nẵng - Kon Tum qua địa bàn tỉnh Quảng Nam	
5.4	Đường sắt đô thị Hội An - Đà Nẵng	Các thị xã, thành phố: Hội An, Điện Bàn
5.5	Đường sắt đô thị Chu Lai - Đà Nẵng	Các huyện, thị xã, thành phố: Núi Thành, Thăng Bình, Duy Xuyên, Điện Bàn, Tam Kỳ
6	**Hạ tầng giao thông khác**	
6.1	Bến xe khách, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, các cầu vượt, nút giao, hệ thống giao thông thông minh…	Theo quy hoạch xây dựng và nhu cầu khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng
6.2	Các đường trục chính trong các đô thị	Các đô thị trong tỉnh, thực hiện theo quy hoạch xây dựng

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
6.3	Kiên cố hóa hệ thống ĐH và giao thông nông thôn	Theo quy hoạch xây dựng trên địa bàn toàn tỉnh
6.4	Tuyến đường vành đai biển (theo từng giai đoạn)	Theo quy hoạch xây dựng
II	**Hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp**	
1	Nhà máy xử lý khí, nhà máy điện, hệ thống đường ống phân phối khí (Nhà máy Turbine khí hỗn hợp miền Trung I và II)	Theo quy hoạch ngành quốc gia
2	Hạ tầng Khu kinh tế mở Chu Lai	Theo quy hoạch xây dựng
3	Hạ tầng Tiểu khu 1, Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang	Huyện Nam Giang
4	Hạ tầng thiết yếu các khu công nghiệp đã thành lập	Theo quy hoạch xây dựng
5	Hạ tầng thiết yếu các cụm công nghiệp	Theo quy hoạch xây dựng
III	**Đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ phát triển lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu**	
1	DA Phát triển tích hợp thích ứng tỉnh Quảng Nam	Các huyện, thành phố: Duy Xuyên, Thăng Bình, Núi Thành, Tam Kỳ
2	Phát triển các loại cây vùng cát ven biển tỉnh Quảng Nam thích ứng với biến đổi khí hậu	Các huyện, thị xã, thành phố: Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn, Núi Thành, Thăng Bình, Duy Xuyên
3	Khu trung tâm cứu hộ vườn Quốc gia sông Thanh	Các huyện: Nam Giang, Phước Sơn
4	Trang thiết bị bảo vệ rừng, PCCC rừng và BTTN, DLST, cứu hộ	Toàn tỉnh

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
5	Khu neo đậu và tránh trú bão tàu cá Khu vực 03 xã Tam Tiến, Tam Hòa và Tam Xuân	Huyện Núi Thành
6	Khu xử lý chất thải rắn Bắc Quảng Nam	Huyện Đại Lộc
7	Khu xử lý chất thải rắn Hội An	TP. Hội An
8	Khu xử lý chất thải rắn Nam Quảng Nam	Huyện Núi Thành
9	Xử lý nước thải vùng Đông	Vùng đông tỉnh
10	Các loại hình nghĩa trang	Toàn tỉnh
11	Khu xử lý nước thải, thu gom, xử lý chất thải, nghĩa trang, nhà tang lễ quy mô cấp tỉnh, liên huyện.	Các huyện, thị xã, thành phố
12	Hồ Suối Thỏ	Huyện Tiên Phước
13	Kiên cố hóa kênh Hồ chứa nước Việt An	Huyện Thăng Bình
14	Hệ thống kênh tưới N1, N2 Hồ chứa nước Lộc Đại	Huyện Quế Sơn
15	Kè chống sạt lỡ khu dân cư và hạ tầng công cộng ven sông nội thị, thị trấn Prao, huyện Đông Giang	Huyện Đông Giang
16	Kè khẩn cấp sông Vu Gia, khu vực thị trấn Ái Nghĩa	Huyện Đại Lộc
17	Đập ngăn dòng sông AVương kết nối giao thông khu dân cư Đông Bắc, huyện Tây Giang	Huyện Tây Giang
18	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Quảng Huế đoạn qua thôn Phú Nghĩa, xã Đại An, huyện Đại Lộc	Huyện Đại Lộc
19	Kè chống sạt lở Trung tâm Hành chính huyện Nam Trà My	Huyện Nam Trà My
20	Kè, chống sạt lở kết hợp đường cảnh quan ven sông Tam Kỳ và khu tái định cư	TP. Tam Kỳ

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
21	Hệ thống Hồ điều tiết nước phía Tây và mương dẫn dòng về Sông Tam Kỳ	TP. Tam Kỳ
22	Khu bảo tồn thiên nhiên Hồ Sông Đầm và các hạng mục trồng phục hồi và phát huy giá trị Sông Đầm	TP. Tam Kỳ
23	Kè chống sạt lở khẩn cấp Bàu Nít đoạn qua sông Bầu Sáu, thôn Hà Tây, Xã Điện Hòa, Thị xã Điện Bàn	TX. Điện Bàn
24	Kè chống sạt lở khẩn cấp bờ sông Thu Bồn khu vực xã Duy Thu và xã Duy Tân, huyện Duy Xuyên (Giai đoạn 2)	Huyện Duy Xuyên
25	Kè chống xói lở khẩn cấp bờ biển tại thôn Hà Lộc, xã Tam Tiến, huyện Núi Thành	Huyện Núi Thành
26	Chống xói lở khẩn cấp bờ biển Cửa Đại đoạn từ Khu vực An Bàng, thành phố Hội An đến Điện Ngọc, thị Xã Điện Bàn	TX. Điện Bàn
27	Đập ngăn mặn trên sông Vĩnh Điện và nâng cấp trạm bơm Tứ Câu	TX. Điện Bàn
28	Đập ngăn mặn trên sông Thu Bồn	Huyện Duy Xuyên
29	Nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng tưới để hiện đại hóa hệ thống thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu (ADB9)	Các huyện, thành phố: Phú Ninh, Núi Thành, Thăng Bình, Quế Sơn, Đại Lộc, Hiệp Đức, Duy Xuyên, Tam Kỳ
30	Giải pháp xử lý thoát lũ lưu vực sông Tam Kỳ nhằm chống ngập lụt cho thành phố Tam Kỳ, huyện Thăng Bình, huyện Núi Thành	Các huyện, thành phố: Tam Kỳ, Thăng Bình, Núi Thành
31	Kênh tiêu thoát nước Điện Nam Bắc - Điện Nam Đông	TX. Điện Bàn

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
32	Hệ thống tưới tiêu sông La Thọ - Thanh Quýt	TX. Điện Bàn
33	Kè chống sạt lở Sông Thu Bồn, sông Trường Giang, sông Bà Rén	Huyện Duy Xuyên
IV	**Các hạ tầng thương mại, logistics**	
1	Chợ nông súc sản miền Trung - Tây Nguyên	Huyện Thăng Bình
2	Trung tâm logistics, vận tải đa phương thức gắn với cảng biển Quảng Nam - Cảng hàng không quốc tế Chu Lai	Huyện Núi Thành
3	Trung tâm logistics tại khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Nam Giang	Huyện Nam Giang
4	Các chợ đầu mối, chợ trung tâm huyện, siêu thị, trung tâm thương mại	Các huyện, thị xã, thành phố
V	**Y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, thông tin và truyền thông, an sinh xã hội, truyền thanh - truyền hình, quản lý nhà nước**	
1	Nâng cấp, mở rộng các bệnh viện tuyến tỉnh: bệnh viện đa khoa tỉnh; bệnh viện đa khoa khu vực Quảng Nam; bệnh viện đa khoa khu vực miền núi phía Bắc Quảng Nam; bệnh viện Phạm Ngọc Thạch; bệnh viện Y học cổ truyền	Các huyện, thị xã, thành phố: Tam Kỳ, Điện Bàn, Đại Lộc
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Quảng Nam	TP. Tam Kỳ
3	Trung tâm Y tế thành phố Hội An	TP. Hội An
4	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Duy Xuyên	Huyện Duy Xuyên
5	Thu hút đầu tư mới, nâng cấp, mở rộng các Bệnh viện đa khoa quốc tế; Bệnh viện đa khoa tư nhân	Toàn tỉnh
6	Nâng cấp, cải tạo các Trường trung học phổ thông đạt chuẩn	Các huyện, thị xã, thành phố

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
7	Nâng cấp, mở rộng các Trường: Cao đẳng Quảng Nam; Cao đẳng y tế; Chính trị tỉnh Quảng Nam	TP. Tam Kỳ
8	Nâng cấp, mở rộng các trung tâm: Trung tâm Dạy nghề thanh niên Quảng Nam; Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và hỗ trợ nông dân	TP. Tam Kỳ
9	Đầu tư một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại các huyện, thị xã, thành phố chưa có cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Toàn tỉnh
10	Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Toàn tỉnh
11	Khuyến khích xã hội hóa giáo dục các cấp học	Toàn tỉnh
12	Bảo tồn và phát huy giá trị Khu di tích Quốc gia đặc biệt Phật Viện Đồng Dương	Huyện Thăng Bình
13	Xây dựng sản phẩm du lịch Làng văn hóa Làng cổ Lộc Yên - Thạnh Bình	Huyện Tiên Phước
14	Công viên cảnh quan ven sông Bàn Thạch	TP. Tam Kỳ
15	Tôn tạo cảnh quang, môi trường, các hạng mục thiết yếu khu di tích lịch sử Trung Trung bộ - Nước Oa, Trà Tân	Huyện Bắc Trà My
16	Nâng cấp, mở rộng sân vận động tỉnh	TP. Tam Kỳ
17	Nâng cấp, mở rộng và sửa chữa Khu Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh Quảng Nam	TP. Tam Kỳ
18	Khu liên hợp Thể dục thể thao tỉnh Quảng Nam	TP. Tam Kỳ
19	Nâng cấp, mở rộng khối nhà chính Trung tâm Văn hóa tỉnh Quảng Nam	TP. Tam Kỳ
20	Khối biểu tượng văn hóa Quảng Nam	TP. Tam Kỳ
21	Cung văn hóa thiếu nhi tỉnh	TP. Tam Kỳ

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
22	Nhà biểu diễn nghệ thuật truyền thống	TP. Tam Kỳ
23	Nâng cấp, mở rộng Bảo tàng tỉnh Quảng Nam	TP. Tam Kỳ
24	Nâng cao năng lực kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo phục vụ công tác quản lý nhà nước về đo lường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Toàn tỉnh
25	Xây dựng Chính quyền số	Toàn tỉnh
26	Xây dựng đô thị thông minh	Toàn tỉnh
27	Phát triển hạ tầng IoT phục vụ xây dựng đô thị thông minh	Toàn tỉnh
28	Phát triển hạ tầng số; các dự án phát triển kinh tế số	Toàn tỉnh
29	Phát triển hạ tầng mạng 4G/5G	Toàn tỉnh
30	Dự án chuyển đổi số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, du lịch, xây dựng đô thị thông minh và tài nguyên - môi trường.	Toàn tỉnh
31	Dự án cụm liên kết ngành khoa học - công nghệ cao gắn với đổi mới sáng tạo.	Toàn tỉnh
32	Dự án chuyển đổi phát thanh, thông tin cơ sở sang kỹ thuật số; nâng cao kỹ năng xây dựng thông tin cơ sở	Toàn tỉnh
33	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm dịch vụ việc làm; trung tâm điều dưỡng người tâm thần; trung tâm bảo trợ xã hội; làng hòa bình; trung tâm công tác xã hội	Các huyện, thành phố: Tam Kỳ, Hội An, Phú Ninh
34	Đầu tư trung tâm cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi chất lượng cao	TP. Tam Kỳ
VI	**Các công trình phục vụ quốc phòng, an ninh**	
1	Cầu kiểm soát, nhà làm việc trạm kiểm soát Biên phòng Cửa Đại	TP. Hội An

STT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
2	Nâng cấp, xây dựng bổ sung một số Đồn, Trạm dọc đường biên giới	Các huyện: Tây Giang, Nam Giang
3	Nâng cấp, cải tạo đường tuần tra biên giới	Các huyện: Tây Giang, Nam Giang
4	Hải đội Dân quân thường trực tại khu vực Cảng cá An Hòa, xã Tam Giang	Huyện Núi Thành
5	Đường biên giới nối từ xã Chơ Chun, huyện Nam Giang đến xã Ga Ri và xã AXan, huyện Tây Giang	Các huyện: Tây Giang, Nam Giang
6	Đường từ Đồn Biên phòng Gary đi cột mốc 697	Huyện Tây Giang
7	Đường từ đồn Biên phòng Gary đi cột mốc 701	Huyện Tây Giang
8	Đường từ đồn Biên phòng La Êe đi cột mốc 715	Huyện Nam Giang
9	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu vực cửa khẩu phụ Tây Giang - Ka Lừm, nâng cấp thành cửa khẩu chính	Huyện Tây Giang
10	Cầu kiểm soát, nhà làm việc trạm kiểm soát Biên phòng Duy Hải	Huyện Duy Xuyên
11	Hạ tầng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ	Toàn tỉnh
VII	**Hạ tầng khác**	
1	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013 - 2020	Các huyện, thị xã, thành phố
2	Các dự án hạ tầng khu đô thị, khu dân cư; khu nhà ở công nhân, nhà ở xã hội, nhà ở thương mại	Các huyện, thị xã, thành phố
3	Đầu tư các dự án phát triển hệ thống hạ tầng thương mại, dịch vụ; phát triển du lịch	Các huyện, thị xã, thành phố
VIII	**Các dự án phát sinh khác theo yêu cầu phát triển của tỉnh**	Các huyện, thị xã, thành phố

Ghi chú:

- Các công trình, dự án đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đầu tư trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng được phê duyệt;

- Đối với các dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc đã quyết định đầu tư và các dự án đang xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án (nếu có): Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam rà soát, cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư dự án. Đối với các dự án đang xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án: chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, phạm vi ranh giới của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư./.

Phụ lục XXIII

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ TỈNH QUẢNG NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Hệ thống sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Quảng Nam	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn	1/100.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng	1/100.000
3	Các sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội	1/100.000
4	Các sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật	1/100.000
5	Sơ đồ, bản đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất	1/100.000
6	Các sơ đồ, bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên	1/100.000
7	Các sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	1/100.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện	1/100.000